

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YUTAKA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YUTAKA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YUTAKA PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: YUTAKA PHARMACEUTICAL

2. Mã số doanh nghiệp: 0109332250

3. Ngày thành lập: 04/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42, Phố Yên Ninh, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0833439999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng các loại cây chủ yếu làm gia vị như cây ớt cay, cây gừng, cây nghệ,...; Trồng cây để làm thuốc và sản xuất hương liệu cung cấp cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: Cây atiso, ngải, cây bạc hà, cà gai leo, cây xạ đen, ý dĩ,... và sản xuất hương liệu; Trồng nấm đông trùng hạ thảo; trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); trồng cây sen, v.v...	0119
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng các loại cây chủ yếu làm gia vị như cây đinh hương, cây vani,...; Trồng cây lâu năm để làm thuốc và sản xuất hương liệu: cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: hoa nhài, hồi, ý dĩ, tam thất, sâm, sa nhân,...; Trồng nấm đông trùng hạ thảo	0128
3.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm Chi tiết: Hoạt động sản xuất giống cây lâu năm như giâm cành, tạo chồi, cấy ghép chồi, tạo cây con để nhân giống cây trực tiếp hoặc tạo từ các gốc ghép cành thành các chồi non để cho ra sản phẩm cuối cùng là cây giống; Nuôi trồng nấm, cung cấp phôi giống và nấm thành phẩm (bao gồm nấm đông trùng hạ thảo); Gieo ươm, cấy ghép, cắt cành và giâm cành các loại cây cảnh	0132
4.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
5.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

6.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
8.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
9.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
10.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
11.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
12.	Sản xuất đường	1072
13.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
14.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
15.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
16.	Sản xuất chè	1076
17.	Sản xuất cà phê	1077
18.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
19.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu đông trùng hạ thảo (Chỉ sản xuất khi có đủ điều kiện và được nhà nước cho phép)	1101
20.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
21.	In ấn Chi tiết: Hoạt động in	1811
22.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
23.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm	2029
24.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Trừ loại Nhà nước cấm)	2100
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
27.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
28.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
29.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
30.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
31.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
32.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
33.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
34.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821

35.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
36.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Trừ loại nhà nước cấm)	3250
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý thương mại; Môi giới thương mại	4610
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
41.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
42.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Kinh doanh thực phẩm chức năng như: Bán buôn các sản phẩm liên quan đến đông trùng hạ thảo, thực phẩm, thực phẩm chức năng từ đông trùng hạ thảo, bán buôn trà túi lọc và bột đông trùng hạ thảo, bán buôn mứt các loại, mứt từ đông trùng hạ thảo	4632(Chính)
43.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu đông trùng hạ thảo; Bán buôn đồ uống không cồn (Trừ những loại bị nhà nước cấm)	4633
44.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ lưu niệm; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đèn và bộ đèn điện; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ đấu giá)	4651
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ đấu giá)	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
51.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất sử dụng trong công nghiệp; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...; Bán buôn bột giấy; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn sản phẩm thực phẩm chức năng như: bán buôn, phân phối dược liệu, đông trùng hạ thảo	4669
52.	Bán buôn tổng hợp (Trừ những loại nhà nước cấm)	4690
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4711
54.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác hợp	4719
55.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm, thực phẩm chức năng từ nấm đông trùng hạ thảo	4722
57.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
58.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

61.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
62.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh	4752
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh, cụ thể: Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan; Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp; Bán lẻ thiết bị hệ thống an toàn như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng	4759
65.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
66.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
67.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4764
68.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
69.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ nước hoa, nước thơm; Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...	4772
70.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

71.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng	4774
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
73.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
74.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (Trừ loại nhà nước cấm)	4783
75.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
76.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ	4789
77.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Website thương mại điện tử bán hàng; Dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử	4791
78.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động (Trừ đầu giá)	4799
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Bốc xếp hàng hóa	5224
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
83.	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát	5320
84.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)	6619

85.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)	7020
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
87.	Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Phát hành quảng cáo; Tiếp nhận quảng cáo	7310
88.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc sâu)	8292
89.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Đại diện cho thương nhân; Ủy thác mua bán hàng hóa; Nhượng quyền thương mại	8299
91.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ, Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ	8620
92.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...); Kinh doanh dịch vụ xoa bóp	9610
93.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; Cắt, tỉa và cạo râu; Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm	9631

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CAO THẮNG	Số 54A, ngõ 9, Phố Đào Tấn, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	012852108	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		
2	ĐẶNG THỊ HOÀI	CH2002 – CT3 Lê Đức Thọ, TDP5 Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	0301750028 65	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		

3	HỒ THỊ THU THỦY	Số 42, Phố Yên Ninh, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	012848054
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	
4	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	Số 513 – A15, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001188003562
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000	
5	PHẠM THỊ TỔ LAN	Thôn Châu Phong, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001189010414
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ THỊ THU THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/11/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012848054

Ngày cấp: 23/12/2005

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 42, Phố Yên Ninh, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 42, Phố Yên Ninh, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội